

Số: 1092/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030 và Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 16 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 07/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 29/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 3146/BNN-LN ngày 03/5/2024 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc triển khai Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT tại Tờ trình số 66/TTr-SNN&PTNT ngày 03/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030 và Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên địa bàn tỉnh góp phần phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên rừng; nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên nhằm phát huy tốt chức năng của từng loại rừng, bảo tồn hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, tăng cường trữ lượng các - bon của rừng, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống, danh lam thắng cảnh và tri thức bản địa của cộng đồng địa phương; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định và nâng cao đời sống người làm nghề rừng và người dân sống gần rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh;

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức đối với các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân về vai trò của việc phát triển, quản lý sử dụng bền vững các giá trị của hệ sinh thái rừng và nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng chống thiên tai. Khuyến khích người dân, các thành phần kinh tế tại địa phương tham gia thực hiện; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan đơn vị liên quan trong triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Yêu cầu:

- Tăng cường thực hiện đồng bộ các giải pháp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và thực hiện các biện pháp lâm sinh để nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, rừng trồng; việc nâng cao chất lượng rừng phải phù hợp với điều kiện sinh thái và chức năng của từng loại rừng; tập trung nâng cao chất lượng đối với diện tích rừng chất lượng kém, thấp, không đảm bảo yêu cầu chung đối với rừng trồng và khả năng phòng hộ đầu nguồn gắn với phát triển bền vững các hệ sinh thái rừng để bảo tồn đa dạng sinh học và tăng khả năng phòng hộ của rừng;

- Khai thác và phát huy giá trị tổng hợp của hệ sinh thái rừng trên cùng một đơn vị diện tích, từ việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh doanh rừng trồng, thúc đẩy trồng rừng gỗ lớn, cấp chứng chỉ rừng đối với rừng sản xuất phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí có kiểm soát gắn với phát triển các làng nghề truyền thống và văn hóa bản địa góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống người dân ở khu vực có rừng và người làm nghề rừng; phát triển dịch vụ môi trường rừng, trong đó có dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh; phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu; phát triển các hình thức nông, lâm, ngư kết hợp dưới tán rừng;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức đối với các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân về vai trò, chức năng của hệ sinh thái rừng; vai trò của việc phát triển, quản lý sử dụng bền vững các giá trị của hệ sinh thái rừng; phổ biến, khuyến khích, vận động nhân dân và các thành phần kinh tế tích cực tham gia bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; trên cơ sở các chương trình hoạt động ưu tiên theo đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện lồng ghép xây dựng các chương trình, dự án cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan đơn vị.

II. NHIỆM VỤ

1. Về nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030:

1.1. Tổ chức điều tra xác định rõ hiện trạng, chất lượng, ranh giới, diện tích, trữ lượng, cây tái sinh rừng tự nhiên, rừng trồng (loài cây; cấp tuổi), trữ lượng các-bon rừng và đất chưa có rừng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định; đề xuất các nội dung nhằm thực hiện phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

1.2. Xây dựng dự án/phương án hoặc kế hoạch nâng cao chất lượng rừng:

- Trên cơ sở rà soát, xác định cụ thể về hiện trạng, đối tượng, diện tích, loại rừng theo chủ quản lý rừng để xây dựng dự án/phương án hoặc kế hoạch nâng cao chất lượng rừng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; trong đó xác định cụ thể các biện pháp kỹ thuật lâm sinh như khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung; làm giàu rừng và nuôi dưỡng rừng cho từng đối tượng rừng;

- Lựa chọn loài cây trồng để nâng cao chất lượng rừng phù hợp với chức năng của từng loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất) cho từng vùng sinh thái để bảo tồn hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và tăng khả năng phòng hộ và nâng cao giá trị kinh tế của rừng. Ưu tiên lựa chọn các loài cây bản địa; loài cây đa tác dụng; loài có sức chống chịu ở những điều kiện lập địa khác nhau; loài có tác dụng kinh tế và bảo vệ môi trường, chống bạc màu, thoái hoá đất, các loài quý, hiếm...

1.3. Ứng dụng kết quả được tổng kết, tài liệu hoá từ các mô hình thí điểm nâng cao chất lượng rừng đã triển khai để thực hiện phù hợp với điều kiện tại địa phương.

2. Về phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

2.1. Phát triển nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp và nâng cao giá trị cho ngành chế biến gỗ:

- Tiếp tục duy trì, phát triển vùng trồng rừng nguyên liệu tập trung trong tỉnh, có sự liên kết chặt chẽ với các địa phương trong khu vực; ưu tiên phát triển rừng gỗ lớn tại các huyện Sông Lô, Lập Thạch, Bình Xuyên, Tam Đảo, Tam Dương và thành phố Phúc Yên góp phần từng bước tăng tỷ trọng nguồn cung nguyên liệu gỗ hợp pháp từ rừng trồng của địa phương cho ngành chế biến gỗ và lâm sản; gỗ rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững;

- Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản với quy mô công suất phù hợp, ứng dụng công nghệ hiện đại, đa dạng các sản phẩm, giảm dần tỷ trọng các sản phẩm chế biến thô như sản xuất dăm gỗ, sản phẩm chế biến từ nguyên liệu gỗ nhỏ, giảm cơ sở chế biến quy mô thủ công; từng bước hình thành kinh tế tuần hoàn trong ngành sản xuất lâm nghiệp; khuyến khích sản xuất và sử dụng các sản phẩm gỗ từ rừng trồng trong nước.

2.2. Phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu:

- Phối hợp nghiên cứu, khảo nghiệm, chọn, tạo các giống, loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu, kháng sâu, bệnh hại, phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên của địa phương;

- Phối hợp các địa phương trong vùng hình thành vùng sản xuất nguyên liệu lâm sản ngoài gỗ, dược liệu tập trung phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, thích hợp với yêu cầu sinh thái của mỗi loài tại địa phương, ưu tiên một số loài cây hiện có diện tích lớn, giá trị kinh tế cao trên đất lâm nghiệp hoặc dưới tán rừng; triển khai thực hiện việc cấp mã số vùng trồng cho các vùng nguyên liệu đối với diện tích đủ điều kiện để đảm bảo truy xuất nguồn gốc theo quy định;

- Xây dựng thương hiệu, phát triển sản phẩm ngành nghề thủ công mỹ nghệ gắn với nguyên liệu từ rừng, xây dựng các sản phẩm OCOP về dược liệu, sản phẩm phù hợp với điều kiện của địa phương.

2.3. Phát triển các hình thức nông, lâm, ngư kết hợp:

- Ứng dụng kết quả được tổng kết, tài liệu hoá, xây dựng quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật đã triển khai để thực hiện phù hợp với điều kiện tại địa phương;

- Lựa chọn các loài cây trồng, vật nuôi có giá trị cao, đa mục đích phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu, thị hiếu của thị trường. Áp dụng các biện pháp canh tác và quản lý chất lượng hiệu quả cây trồng, vật nuôi,... kết hợp dưới tán rừng; sản xuất và thương mại các sản phẩm nông, lâm, thủy sản

không gây mất rừng và ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng;

- Tăng cường thực hiện hợp tác, liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng bền vững, hiệu quả đảm bảo theo quy định; phát huy trách nhiệm và khuyến khích sự tham gia quản lý rừng và chia sẻ lợi ích của cộng đồng, bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

2.4. Phát triển dịch vụ môi trường rừng:

- Thực hiện phát triển dịch vụ môi trường rừng, đa dạng hóa và mở rộng nguồn thu từ các loại dịch vụ môi trường rừng phù hợp với quy định của pháp luật, đặc biệt là dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính góp phần hạn chế mất rừng và suy thoái rừng để quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh;

- Tăng cường quản lý, hướng dẫn để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng đầu tư cho bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên rừng tại địa phương đảm bảo theo quy định.

2.5. Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí:

- Đôn đốc, hướng dẫn các chủ rừng xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả Phương án quản lý rừng bền vững theo quy định, đánh giá tác động, có các biện pháp kiểm soát chặt chẽ, giảm thiểu những tác động tiêu cực của hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đối với công tác quản lý rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng và phát triển kinh tế - xã hội;

- Phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch đặc trưng, đặc sắc gắn với giá trị cảnh quan thiên nhiên tại các khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan di tích lịch sử, khu bảo tồn như: Vườn Quốc gia Tam Đảo, Tây Thiên,.. có tính kết nối vùng tạo nên các sản phẩm, hoạt động, thương hiệu du lịch phù hợp và gắn với văn hóa truyền thống địa phương;

- Phát triển các mô hình du lịch sinh thái gắn với các loại hình du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch cộng đồng đối với đồng bào dân tộc, người dân miền núi và người dân sống trong và gần rừng gắn với triển khai chương trình OCOP, chương trình phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn trong xây dựng nông thôn mới nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế rừng bền vững và đảm bảo theo quy định;

- Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, tiếp thị, truyền thông giới thiệu và phản hồi về các hoạt động du lịch sinh thái, du lịch nông thôn; sử dụng mạng xã hội và trang thông tin điện tử và tổ chức các sự kiện (*hội thảo, hội nghị, hội chợ,..*) để đưa thông tin đến du khách trong và ngoài tỉnh.

(Có danh mục các chương trình, kế hoạch, phương án, đề án, dự án ưu tiên tại Phụ lục gửi kèm)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về cơ chế, chính sách:

- Tiếp tục thực hiện và lồng ghép thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của Tỉnh đã ban hành tại địa phương;

- Tập trung nghiên cứu, đánh giá việc thực hiện các cơ chế chính sách về lĩnh vực lâm nghiệp và các lĩnh vực khác có liên quan để tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tế, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc;

- Lồng ghép thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của kế hoạch với các Chương trình mục tiêu, chương trình đầu tư công, các chương trình, đề án khác và kết hợp với nguồn xã hội hóa đáp ứng thực hiện các nhiệm vụ để nâng cao chất lượng rừng.

2. Về quản lý rừng và phát triển vùng nguyên liệu:

2.1. Nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030:

- Triển khai có hiệu quả Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia, Quy hoạch tỉnh sau khi các quy hoạch được ban hành; thực hiện nghiêm Kết luận số 61-KL/TW ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Ban Bí thư; văn bản số 2332-CV/TU ngày 21/11/2023 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc về thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Trung ương; Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình hành động thực hiện Kết luận 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; giám sát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên, nhất là việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang các mục đích khác như: khai thác khoáng sản, xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ du lịch...;

- Tăng cường quản lý chặt chẽ và hiệu quả đối với rừng và đất lâm nghiệp hiện có; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ rừng; tăng cường đầu tư hệ thống các công trình bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, góp phần thúc đẩy hoạt động nâng cao chất lượng rừng đảm bảo hiệu quả;

- Quản lý rừng theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững, gắn bảo vệ, phát triển rừng với bảo tồn đa dạng sinh học và các dịch vụ môi trường rừng; toàn bộ diện tích rừng của các tổ chức quản lý rừng được xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững theo quy định. Hướng dẫn chủ rừng, đối tượng nhận

khoản quản lý, bảo vệ rừng thực hiện tốt công tác quản lý rừng gắn với quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ trong quá trình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý sử dụng rừng bền vững và các dịch vụ hệ sinh thái;

- Triển khai có hiệu quả các chương trình kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; trong đó tăng cường theo dõi sự biến động về diện tích, chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ để có giải pháp phù hợp với từng vùng, khu vực; kiểm soát chặt chẽ tác động tiêu cực đối với hoạt động phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên nhằm tăng cường chức năng bảo tồn đa dạng sinh học và phòng, chống thiên tai của hệ sinh thái rừng theo quy định pháp luật;

- Phát huy tối đa các dịch vụ hệ sinh thái rừng theo hướng bền vững như dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng và các dịch vụ mới khác để tạo nguồn thu tái đầu tư bảo vệ và phát triển rừng. Thu hút người dân sống gần rừng, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số tham gia vào hoạt động trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng gắn với chia sẻ lợi ích; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho hộ gia đình.

2.2. Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

- Thực hiện quản lý rừng bền vững; khai thác, sử dụng gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao giá trị kinh tế, giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng; đảm bảo quá trình xây dựng phương án quản lý và tổ chức các hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng có sự tham gia rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình;

- Rà soát, điều chỉnh phân loại rừng, lập hồ sơ quản lý rừng theo chức năng, mục đích sử dụng rừng nhằm tối ưu hóa hiệu quả tổng hợp về kinh tế, xã hội và môi trường đảm bảo theo quy định;

- Lồng ghép, thực hiện hỗ trợ và thu hút đầu tư, liên kết để phát triển vùng trồng rừng sản xuất tập trung và vùng trồng dược liệu tại các huyện: Sông Lô, Lập Thạch, Bình Xuyên, Tam Dương, Tam Đảo và thành phố Phúc Yên nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích và kết hợp sản xuất nông, lâm kết hợp phù hợp với địa phương, đảm bảo theo quy định;

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất như: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp với chủ rừng trong việc trồng, khai thác, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ và dược liệu.

3. Về khoa học và công nghệ:

3.1. Nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030:

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học trong sản xuất cây giống, chọn, tạo giống cây lâm nghiệp phục vụ nâng cao chất lượng rừng trồng; nghiên cứu, thử nghiệm mô hình nâng cao chất lượng rừng bằng nhiều loài cây bản địa đa loài, nâng cao khả năng phòng hộ của rừng; ứng dụng chuyển giao kỹ thuật trồng rừng cây gỗ lớn; chuyển hóa rừng trồng cây gỗ nhỏ sang cây gỗ lớn,... để nâng cao chất lượng rừng và phòng, chống thiên tai;

- Luân canh loài cây trồng, kết hợp phát triển cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao để nâng cao thu nhập cho người dân, cải tạo môi trường đất và tăng khả năng tích nước của khu rừng.

3.2. Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

- Ứng dụng khoa học công nghệ để phát huy tối đa các giá trị của hệ sinh thái rừng; phát triển các loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có giá trị kinh tế cao phù hợp với địa phương; ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong quản lý cơ sở dữ liệu, cấp mã số vùng nuôi trồng, truy xuất, xác định nguồn gốc, chế biến và bảo quản lâm sản hợp pháp nhằm đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong và ngoài tỉnh;

- Tiếp nhận, chuyển giao công nghệ khuyến lâm, khuyến công,... nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và kỹ năng cho người làm nghề rừng, từ đó tăng năng suất lao động, nâng cao giá trị gia tăng các khâu trong sản xuất, khai thác, chế biến, bảo quản và thị trường các sản phẩm lâm sản, góp phần nâng cao giá trị, hiệu quả sản xuất trong lâm nghiệp.

4. Về tổ chức sản xuất:

- Ứng dụng kết quả được tổng kết, tài liệu hoá từ các mô hình về trồng rừng gỗ lớn; các mô hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, kết hợp với phát triển các sản phẩm đặc sản,... đã triển khai để thực hiện phù hợp với điều kiện tại địa phương để thay đổi tư duy, nhận thức, tập quán kinh doanh, sản xuất lâm nghiệp từ quảng canh sang thâm canh; phát triển hài hòa giữa sản xuất gỗ nhỏ và gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ,... để duy trì và phát triển sinh kế bền vững của người làm nghề rừng.

- Tiếp tục rà soát và giao đất, giao rừng, khoán bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật lâm nghiệp, nhất là diện tích rừng đang giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; tổ chức thực hiện việc xây dựng quy chế phối hợp bảo vệ, phát triển rừng giữa các cấp, ngành và địa phương, đơn vị;

- Đẩy mạnh triển khai Chương trình OCOP, chương trình phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn trong xây dựng nông thôn mới gắn với hệ sinh thái rừng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế rừng bền vững tại địa phương;

- Tăng cường liên kết với các địa phương trong vùng, phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với liên kết vùng sinh thái, phát triển làng nghề, đầu tư kết cấu hạ tầng, nhất là đường lâm nghiệp, để khai thác tổng hợp các giá trị của rừng.

5. Về hợp tác quốc tế:

- Tăng cường tiếp cận, hợp tác quốc tế theo các cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước về huy động nguồn lực tài chính từ khu vực tư nhân, hợp tác công tư cho phát triển rừng gỗ lớn, phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, quản lý rừng bền vững, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương;

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án, sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông, lâm, thủy sản không gây mất rừng và suy thoái rừng tại địa phương; phù hợp với các tiêu chuẩn và hệ thống chứng nhận sản phẩm nhằm đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

6. Tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án:

Các cơ quan, địa phương liên quan rà soát, nghiên cứu, căn cứ quy định của pháp luật, điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách để triển khai thực hiện và lồng ghép thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ, kế hoạch cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Việc thực hiện đảm bảo theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách và các quy định khác có liên quan.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc:

1. Nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thông qua lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và các Chương trình, đề án, dự án, kế hoạch khác; Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (*chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên*) theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành; các cơ quan được giao chủ trì đề xuất các Chương trình, đề án, dự án, kế hoạch xây dựng dự toán chi tiết đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện.

2. Nguồn xã hội hóa; nguồn vốn tự có, huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đầu tư theo quy định của pháp luật và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; rà soát, đề xuất UBND tỉnh chương trình, dự án, đề án, phương án, nhiệm vụ, kế hoạch cụ thể, đồng thời gửi Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tài chính để cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn vốn ngân sách tỉnh để thực hiện theo quy định; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch với nội dung thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và các chương trình, đề án, dự án có liên quan theo quy định;

- Nghiên cứu rà soát đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển lâm nghiệp;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện nội dung hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc và tổ chức thực hiện Kế hoạch này bảo đảm có hiệu quả, đúng quy định;

- Triển khai theo các hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên các hoạt động về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các - bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh;

- Thực hiện điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; đề xuất UBND tỉnh xây dựng, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường lâm nghiệp, phòng cháy chữa cháy rừng, bảo vệ rừng, cứu hộ kết hợp dân sinh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 -2030;

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2023 - 2030; kế hoạch thuê công nghệ thông tin xây dựng hệ thống giám sát rừng,...;

- Tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật về lâm nghiệp, tổ chức trồng thử nghiệm cây trồng lâm nghiệp,... để phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng và nâng cao nhận thức về vai trò hệ sinh thái rừng trong thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng rừng;

- Chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thực hiện tốt Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh;

- Hướng dẫn, giám sát, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc triển khai, thực hiện Kế hoạch, định kỳ (hàng năm, giai đoạn 3-5 năm) tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, cân đối, bố trí nguồn vốn từ

nguồn vốn đầu tư phát triển để thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định liên quan;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức có hiệu quả Kế hoạch này.

3. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và & PTNT và các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, cân đối, bố trí nguồn vốn từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế để thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định liên quan;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức có hiệu quả Kế hoạch này.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương: Tăng cường tuyên truyền, vận động các chủ rừng thực hiện kê khai đăng ký đất đai; đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ rừng; rà soát ranh giới, xử lý các trường hợp chồng lấn diện tích đất đai để bảo đảm sử dụng đất ổn định, lâu dài, đúng mục đích...;

- Rà soát, đề xuất UBND tỉnh thực hiện chương trình, dự án, đề án, phương án, nhiệm vụ, kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ để thực hiện kế hoạch này;

- Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về đa dạng sinh học; hướng dẫn triển khai chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức về đa dạng sinh học ở cấp huyện, cấp xã; xây dựng chương trình, nhiệm vụ dự án quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học thuộc trách nhiệm của Sở; lồng ghép, gắn kết các nội dung quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học trong quá trình thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án, đề án bảo vệ môi trường;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức có hiệu quả Kế hoạch này.

5. Sở Công Thương:

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện các hoạt động chế biến và thương mại lâm sản theo quy định; xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường và giải quyết các tranh chấp thương mại, các rào cản kỹ thuật trong quá trình xuất nhập khẩu đối với các sản

phẩm từ gỗ và lâm sản ngoài gỗ, dược liệu; hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ theo quy định pháp luật;

- Rà soát, đề xuất UBND tỉnh thực hiện chương trình, dự án, đề án, phương án, nhiệm vụ, kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ để thực hiện kế hoạch này;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức có hiệu quả Kế hoạch này.

6. Sở Y tế:

- Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị với Bộ Y tế hỗ trợ tinh thu hút các tổ chức, cá nhân có tiềm lực, kinh nghiệm nuôi trồng, canh tác, chế biến, tiêu thụ dược liệu trong môi trường rừng đảm bảo theo quy định; thu hút, đầu tư xây dựng nhà máy sơ chế, chế biến dược liệu; nhà máy chiết xuất dược liệu phù hợp với địa phương;

- Rà soát, đề xuất UBND tỉnh thực hiện chương trình, dự án, đề án, phương án, nhiệm vụ, kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ để thực hiện kế hoạch này;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức có hiệu quả Kế hoạch này.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố các chủ rừng xây dựng chiến lược tiếp thị để quảng bá các hoạt động du lịch sinh thái và trải nghiệm du lịch trong rừng cho du khách trong nước và quốc tế;

- Hỗ trợ các huyện, thành phố xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch có nguồn gốc từ rừng gắn với nét văn hóa cổ truyền của người dân;

- Thu hút các tổ chức, cá nhân có tiềm lực, kinh nghiệm triển khai, thực hiện các dự án đầu tư về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;

- Rà soát, đề xuất UBND tỉnh thực hiện chương trình, dự án, đề án, phương án, nhiệm vụ, kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ để thực hiện kế hoạch này;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức có hiệu quả Kế hoạch này.

8. Ban Dân tộc:

- Phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí lồng ghép các nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các chương trình, đề án, dự án có liên quan để thực hiện các nội dung của Kế hoạch này;

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố rà soát, đề xuất UBND tỉnh thực hiện chương trình, dự án, đề án, phương án, nhiệm vụ, kế hoạch liên quan theo chức năng, nhiệm vụ để thực hiện kế hoạch này;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức có hiệu quả Kế hoạch này.

9. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thông tin, tuyên truyền Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030 và Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên các phương tiện thông tin đại chúng từ tỉnh đến cơ sở;

- Rà soát, đề xuất UBND tỉnh thực hiện chương trình, dự án, đề án, phương án, nhiệm vụ, kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ để thực hiện kế hoạch này;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức có hiệu quả Kế hoạch này.

10. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, cơ quan và đơn vị liên quan đề xuất hoặc đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học - công nghệ liên quan đến chọn tạo giống cây rừng phù hợp với điều kiện tự nhiên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu đặt hàng, hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, chọn tạo giống cây rừng phù hợp với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt (chịu biến đổi nhanh, mạnh, thường xuyên và biên độ rộng về nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, ...) và sâu bệnh hại để nâng cao chất lượng rừng, giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng;

- Rà soát, đề xuất UBND tỉnh thực hiện chương trình, dự án, đề án, phương án, nhiệm vụ, kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ để thực hiện kế hoạch này;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức có hiệu quả Kế hoạch này.

11. Sở Ngoại vụ, Ban QLDA sử dụng vốn vay nước ngoài tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp thực hiện thúc đẩy hợp tác quốc tế để hỗ trợ huy động nguồn lực tài chính từ khu vực tư nhân, hợp tác công tư cho phát triển rừng gỗ lớn, phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, quản lý rừng bền vững, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số;

- Chủ trì, phối hợp thực hiện thúc đẩy thực hiện các sáng kiến, cơ chế tài chính mới như: tài chính khí hậu, tín dụng xanh; mở rộng phạm vi dịch vụ môi trường rừng, tiếp cận thị trường các - bon rừng quốc tế, nhằm huy động nguồn tài chính cho quản lý rừng bền vững, bảo tồn và phục hồi rừng, hỗ trợ nâng cao thu nhập và ổn định cuộc sống của cộng đồng dân cư địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số;

- Hỗ trợ trong việc Xây dựng và triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án và sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế để xây dựng và phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông, lâm, thủy sản không gây mất rừng và suy thoái rừng; phù hợp với các tiêu chuẩn và hệ thống chứng nhận sản phẩm nhằm đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế;

- Rà soát, đề xuất UBND tỉnh thực hiện chương trình, dự án, đề án, phương án, nhiệm vụ, kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ để thực hiện kế hoạch này;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức có hiệu quả Kế hoạch này.

12. Ngân hàng chính sách xã hội: Hướng dẫn các chủ rừng là doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trồng rừng gỗ lớn trên diện tích đất lâm nghiệp được giao, được thuê về trình tự thủ tục hỗ trợ lãi suất vay thương mại theo điều 15, Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính Phủ.

13. Các sở, ban ngành, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ, đơn vị có trách nhiệm triển khai hoặc phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch thực hiện Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030 trên địa bàn quản lý góp phần phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên rừng; nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên nhằm phát huy tốt chức năng của từng loại rừng, bảo tồn hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, tăng cường trữ lượng các - bon của rừng, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống, danh lam thắng cảnh và tri thức bản địa của cộng đồng địa phương; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định và nâng cao đời sống người làm nghề rừng và người dân sống gần rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng tại địa phương;

- Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư và khuyến khích đầu tư theo thẩm quyền và quy định của pháp luật đảm bảo hiệu quả, khả thi, đúng mục tiêu và quy định của pháp luật;

- Chủ trì, tham gia, phối hợp tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động của các Chương trình, đề án liên quan trên địa bàn; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lâm nghiệp theo quy định; tổ chức giao rừng, bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật, rà soát diện tích rừng chưa giao, hiện do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, để giao cho chủ rừng quản lý theo quy định của pháp luật; chỉ đạo UBND cấp xã triển khai thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch sản xuất lâm nghiệp và công tác bảo vệ rừng trên địa bàn; đôn đốc, hướng dẫn chủ rừng trên địa bàn thực hiện hiệu quả kế hoạch này;

- Tăng cường tuyên truyền phổ biến giáo dục của pháp luật để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của chủ rừng trong việc bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phòng, chống thiên tai; vận động các hộ gia đình sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng; Chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức đối với các xã, phường, thị trấn, các ngành và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn về vai trò của việc phát triển, quản lý sử dụng bền vững các giá trị của hệ sinh thái rừng; phổ biến, khuyến khích người dân, các thành phần kinh tế trên địa bàn tham gia thực hiện Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030; Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Trên cơ sở rà soát kết quả rà soát hiện trạng rừng, UBND các huyện, thành phố xây dựng dự án, phương án, kế hoạch nâng cao chất lượng rừng và triển khai có hiệu quả Kế hoạch; đồng thời siết chặt công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng tại địa phương, giải quyết dứt điểm các tồn tại về chồng lấn ranh giới, tranh chấp, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp gắn với phát triển bền vững tài nguyên, đảm bảo theo quy định;

- Bố trí nguồn ngân sách của cấp huyện và huy động nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển rừng, nâng cao chất lượng rừng và giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng; rà soát, đề xuất UBND tỉnh thực hiện chương trình, dự án, đề án, phương án, nhiệm vụ, kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ để thực hiện kế hoạch này;

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức có hiệu quả Kế hoạch này tại địa phương;

- Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030; Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; báo cáo kết quả định kỳ (hàng năm, giai đoạn 3 - 5 năm) hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

15. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Vĩnh Phúc:

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, cơ quan và đơn vị liên quan hỗ trợ tài chính cho tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, nhiệm vụ và các hoạt động nhằm bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức có hiệu quả Kế hoạch này.

16. Các chủ rừng:

16.1. Yêu cầu chung:

- Tăng cường thực hiện đồng bộ các giải pháp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và thực hiện các biện pháp lâm sinh để nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, rừng trồng; quản lý chặt chẽ và hiệu quả diện tích rừng và đất lâm nghiệp được quy hoạch, được giao theo quy định; Thực hiện quản lý rừng bền vững, quản lý rừng theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững, gắn bảo vệ, phát triển rừng với bảo tồn đa dạng sinh học; các dịch vụ môi trường rừng; tăng cường đầu tư hệ thống các công trình bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, góp phần thúc đẩy hoạt động nâng cao chất lượng rừng đảm bảo hiệu quả;

- Tập trung thực hiện theo quy định việc nâng cao chất lượng đối với diện tích rừng chất lượng kém, thấp, không đảm bảo yêu cầu chung đối với rừng trồng và khả năng phòng hộ đầu nguồn gắn với phát triển bền vững các hệ sinh thái rừng để bảo tồn đa dạng sinh học và tăng khả năng phòng hộ của rừng;

- Huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển rừng, nâng cao chất lượng rừng và giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng.

16.2. Các chủ rừng là tổ chức: Vườn quốc gia Tam Đảo; Trung tâm Khoa học lâm nghiệp Đông Bắc Bộ, Trạm đa dạng sinh học Mê Linh, Trung tâm phát triển lâm nông nghiệp Vĩnh Phúc, Công ty lâm nghiệp Lập Thạch,... chủ động đề xuất với Cơ quan có thẩm quyền các chương trình, dự án, đề án, phương án, nhiệm vụ, kế hoạch để quản lý, bảo vệ rừng, nâng cao chất lượng rừng, phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ban Dân tộc; Ban QLDA sử dụng vốn vay nước ngoài tỉnh; Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh; Thủ trưởng các chủ rừng là tổ chức: Vườn quốc gia Tam Đảo; Trung tâm Khoa học lâm nghiệp Đông Bắc Bộ, Trạm đa dạng sinh học Mê Linh, Trung tâm phát triển lâm nông nghiệp Vĩnh Phúc, Công ty Lâm nghiệp Lập Thạch; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Chí Giang

Phụ lục: DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, PHƯƠNG ÁN, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN
Triển khai, thực hiện Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai;
phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
(Kèm theo Kế hoạch số 1092/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên chương trình, kế hoạch, phương án, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan.	2024-2025
2	Xây dựng dự án/phương án/kế hoạch nâng cao chất lượng rừng trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan.	2025-2030
3	Xây dựng, bảo trì, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường lâm nghiệp, phòng cháy chữa cháy rừng, bảo vệ rừng, cứu hộ kết hợp dân sinh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 -2030.	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	2026-2030
4	Tiếp tục thực hiện Kế hoạch nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2023 - 2030; kế hoạch thuê công nghệ thông tin xây dựng hệ thống giám sát rừng,...	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	2024-2030

5	Tuyên truyền, tập huấn về lâm nghiệp; tổ chức trồng thử nghiệm cây trồng lâm nghiệp để theo dõi đánh giá sự phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương, hiệu quả kinh tế, môi trường... để phát triển rừng và giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, nâng cao nhận thức về vai trò hệ sinh thái rừng trong thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng rừng.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan	Hàng năm
6	Triển khai theo các hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên các hoạt động về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các - bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh.	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Công thương; Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân, đơn vị khác có liên quan	2024-2030
7	Hỗ trợ lãi suất vay vốn thương mại đầu tư trồng rừng gỗ lớn theo điều 15, Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 20/4/2024 của Chính Phủ.	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Vĩnh Phúc	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố có rừng và các tổ chức, cá nhân (chủ rừng) có liên quan	2025-2030
8	Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, chọn tạo giống cây rừng phù hợp với điều kiện tại địa phương để nâng cao chất lượng rừng và giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng; lựa chọn các đề tài, nhiệm vụ khoa học nghiên cứu về phục hồi, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên và giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở Tài chính; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Báo, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành thị; các tổ chức, cá nhân có liên quan.	2025-2030

9	Xây dựng Kế hoạch hành động đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Tài nguyên & Môi trường	Các Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan	2025-2030
10	Rà soát và thực hiện giao đất thống nhất, đồng bộ với giao rừng cho các chủ rừng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Tài nguyên & Môi trường; UBND các huyện, thành phố	Các Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan	2025-2026
11	Khoán bảo vệ rừng, chi trả kinh phí bảo vệ rừng	UBND các huyện, thành phố; Vườn quốc gia Tam Đảo; Trung tâm khoa học lâm nghiệp Đông Bắc Bộ; Công ty Lâm nghiệp Lập Thạch; Trạm Đa dạng sinh học Mê Linh; Trung tâm PTLNN Vĩnh Phúc	Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và PTNT; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan	2025-2030
12	Rà soát đề xuất thanh lý và trồng lại những diện tích rừng trồng phòng hộ chất lượng kém, không đủ tiêu chuẩn rừng phòng hộ tại địa phương	UBND các huyện, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và PTNT; các tổ chức, cá nhân có liên quan	2025-2030

13	Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp Nhân dân về vai trò của việc phát triển, quản lý sử dụng bền vững các giá trị của hệ sinh thái rừng; phổ biến, khuyến khích người dân, các thành phần kinh tế tại địa phương tham gia thực hiện các nội dung Đề án tại địa phương; tổ chức xây dựng các chương trình, dự án, mô hình cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để tổ chức triển khai thực hiện	UBND các huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở Tài chính; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Báo, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; các tổ chức, cá nhân có liên quan	2024-2030
14	Giám sát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng, nhất là việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác như: khai thác khoáng sản, hạ cốt san gạt đất rừng...	UBND các huyện, thành, thị	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài nguyên và Môi trường; Báo, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; các tổ chức, cá nhân có liên quan	2025-2030
15	Phát triển thương hiệu sản phẩm; thị trường trong nước và quốc tế của các sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu gắn với du lịch và các dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Công thương	Các Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Y tế; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Ngoại vụ; Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các Sở ngành, tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan	2025-2030
16	Hỗ trợ Chương trình phát triển công nghiệp chế biến gỗ tại các làng nghề mộc truyền thống của tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Công thương	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở Tài chính; Báo, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện,	2025-2030

			thành thị; các tổ chức, cá nhân có liên quan	
17	Thu hút các nguồn lực đầu tư của các thành phần kinh tế tham gia các dự án phát triển bền vững các hệ sinh thái rừng, thuê môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	Sở Kế hoạch và đầu tư	Các Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Y tế; Sở Công thương; Sở Ngoại vụ; Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân, đơn vị khác có liên quan	2025-2030
18	Triển khai xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí gắn với công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng và Bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng	Vườn quốc gia Tam Đảo và Trung tâm Khoa học sản xuất lâm nghiệp Đông Bắc Bộ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện Tam Đảo, Bình Xuyên, Phúc Yên và các đơn vị có liên quan	2024-2030
19	Bảo tồn nguồn gen 3 loài cây quý hiếm: Trám đen (<i>Canarium tramdennum</i> Dai & Yakovl), Lát hoa (<i>Chukrasia tabularis</i> A. Juss), Gù Hương (<i>Cinnamomum balansae</i>) ở Vườn Quốc Gia Tam Đảo	Vườn Quốc gia Tam Đảo	Sở Khoa học & Công nghệ, Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Y Tế, UBND huyện Tam Đảo, Bình Xuyên, các cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2025-2030
20	Nghiên cứu bảo tồn nguồn gen 2 loài cây thuốc quý hiếm: Cát sâm (<i>Callerya speciosa</i>) và Na leo (<i>Kadsura heteroclita</i>) tại Vườn	Vườn Quốc gia Tam Đảo	Sở Khoa học & Công nghệ, Sở Nông nghiệp & PTNT,	2025-2030

	Quốc Gia Tam Đảo		Sở Y Tế, UBND huyện Tam Đảo, Bình Xuyên, các cơ quan, đơn vị khác có liên quan	
21	Bảo tồn nguồn gen 2 loài cây thuốc quý hiếm Bát giác liên (<i>Podophyllum tonkinensis Gagnep</i>) và Trà hoa gilbert (<i>Camellia gilbertii</i> (A.Chev.ex Gagnep) Sealy) tại Vườn Quốc Gia Tam Đảo	Vườn Quốc Gia Tam Đảo	Sở Khoa học & Công nghệ, Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Y Tế, UBND huyện Tam Đảo, Bình Xuyên, các cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2025-2030
22	Nghiên cứu xác định một số loài cây thuốc có giá trị tại Vườn Quốc Gia Tam Đảo để bảo tồn và khai thác, phát triển theo hướng dẫn sản xuất hàng hoá	Vườn Quốc Gia Tam Đảo	Sở Khoa học & Công nghệ, Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Y Tế, UBND huyện Tam Đảo, Bình Xuyên, các cơ quan, đơn vị khác có liên quan	2025-2030
23	Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương; báo cáo kết quả định kỳ (hàng năm, giai đoạn 3-5 năm) hoặc đột xuất (khi có yêu cầu)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan	2025-2030
24	Các chương trình, dự án, đề án, phương án, nhiệm vụ, kế hoạch đề xuất khác trong quá trình thực hiện Kế hoạch (hỗ trợ trồng cây phân tán, hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp, phòng cháy chữa cháy rừng...);	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025-2030